

Số: *72* /QĐ-NĐND

Lạng Sơn, ngày *11* tháng *02* năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Dự toán và Kế hoạch lựa chọn nhà cung cấp
Gói cung cấp: Dịch vụ hiệu chuẩn, kiểm định thiết bị quan trắc khí thải,
nước thải Nhà máy NĐND năm 2026

GIÁM ĐỐC CÔNG TY NHIỆT ĐIỆN NA DƯƠNG - TKV

Căn cứ Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV được ban hành tại Quyết định số 126/QĐ-ĐLTKV ngày 03/02/2016 của Hội đồng quản trị Tổng công ty Điện lực TKV - CTCP;

Căn cứ Quyết định số 353/QĐ-ĐLTKV ngày 15/02/2024 của Tổng công ty Điện lực - TKV về việc ban hành Quy định lựa chọn Nhà cung cấp hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ bảo đảm tính liên tục cho hoạt động sản xuất, kinh doanh trong Tổng công ty Điện lực TKV - CTCP (ĐLTKV);

Căn cứ Văn bản số 2525/NĐND-KHĐTVT ngày 04/11/2025 của Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV về việc thực hiện sửa chữa lớn, mua sắm vật tư, thuê ngoài dịch vụ năm 2026;

Căn cứ Văn bản số 3793/ĐLTKV-KH ngày 25/12/2025 của Tổng công ty Điện lực - TKV về việc Tạm giao/Thông qua các chỉ tiêu chủ yếu Kế hoạch SXKD năm 2026;

Căn cứ Tờ trình số 04/2026/TTr-KTAT ngày 02/01/2026 của Phòng Kỹ thuật - An toàn về việc hiệu chuẩn, kiểm định thiết bị phân tích khí thải, nước thải tự động, liên tục năm 2026;

Căn cứ Văn bản số 02/2026/CV-EVTC ngày 22/01/2026 của Trung tâm Nghiên cứu Công nghệ và Kiểm định Môi trường về việc ý kiến thư mời báo giá lập dự toán cung cấp “dịch vụ hiệu chuẩn, kiểm định thiết bị quan trắc khí thải, nước thải Nhà máy NĐND năm 2026”;

Căn cứ Báo cáo số 10/2026/BC-KTAT ngày 03/02/2026 của Phòng KT-AT về việc hiệu chuẩn, kiểm định thiết bị thuộc hệ thống quan trắc nước thải, khí thải tự động, liên tục của Nhà máy;

Căn cứ Báo cáo ngày 10/02/2026 của Phòng KHĐTVT và Phòng KTAT về việc tính hợp lệ của hồ sơ báo giá và năng lực của nhà cung cấp;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Kế hoạch - Đầu tư - Vật tư tại Tờ trình ngày 10/02/2026,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Dự toán và Kế hoạch LCNCC, gói cung cấp: Dịch vụ hiệu chuẩn, kiểm định thiết bị quan trắc khí thải, nước thải Nhà máy NĐND năm 2026, với các nội dung cụ thể như sau:



1. Tên gói cung cấp: Dịch vụ hiệu chuẩn, kiểm định thiết bị quan trắc khí thải, nước thải Nhà máy NĐND năm 2026.

2. Giá gói cung cấp (đã bao gồm thu, phí): 240.840.000 đồng (Bằng chữ: Hai trăm bốn mươi triệu, tám trăm bốn mươi nghìn đồng chẵn).

(Chi tiết tại **Phụ lục I** đính kèm theo).

3. Nguồn vốn: Chi phí SXKD năm 2026.

4. Địa điểm thực hiện: Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV (Thôn 4, xã Na Dương, tỉnh Lạng Sơn).

5. Kế hoạch lựa chọn nhà cung cấp:

(Chi tiết tại **Phụ lục II** đính kèm theo).

Điều 2. Giao phòng KH-ĐT-VT, Phòng KT-AT, phòng KT-TC, Tổ Chuyên gia, Tổ Thẩm định và các phòng Nghiệp vụ liên quan phối hợp, triển khai thực hiện theo đúng pháp luật hiện hành.

Điều 3. Các Ông phó Giám đốc, Kế toán trưởng, các Trưởng phòng Nghiệp vụ căn cứ chức năng nhiệm vụ thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận: /

- Như Điều 3 (e-copy);
- Website TKV: vinacomin.vn (để đăng tải);
- Website ĐLTKV: dienluctkv.vn (để đăng tải);
- Lưu: VT, KHĐT-VT, LĐT.



GIÁM ĐỐC

Phạm Đức Tuyên

429703
CÔNG TY
NHIỆT ĐIỆN
NA DƯƠNG - TKV
CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY
ĐIỆN LỰC TP. HỒ CHÍ MINH
CTCP
CÔNG - T

Phụ lục I
CHI TIẾT GIÁ GÓI CUNG CẤP
Dịch vụ hiệu chuẩn, kiểm định thiết bị quan trắc khí thải, nước thải
Nhà máy NĐND năm 2026
(Đính kèm theo Quyết định số 72 /QĐ-NĐND ngày 11 / 02 /2026)

Stt	Tên thiết bị/ Nội dung công việc	Đvt	Số lượng	Đơn giá trước thuế	Thành tiền trước thuế
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(4)*(5)
I	Dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn				
I.1	Hệ thống quan trắc khí thải tự động, liên tục				
1	Kiểm định phương tiện đo Nox	2	Thiết bị	15 500 000	31 000 000
2	Kiểm định phương tiện đo SO2	2	Thiết bị	15 500 000	31 000 000
3	Kiểm định phương tiện đo CO	2	Thiết bị	15 500 000	31 000 000
4	Kiểm định phương tiện đo CO2	2	Thiết bị	15 500 000	31 000 000
5	Kiểm định phương tiện đo O2	2	Thiết bị	8 000 000	16 000 000
6	Hiệu chuẩn phương tiện đo áp suất	2	Thiết bị	6 000 000	12 000 000
7	Hiệu chuẩn phương tiện đo bụi	2	Thiết bị	10 000 000	20 000 000
8	Hiệu chuẩn phương tiện đo lưu lượng	2	Thiết bị	6 000 000	12 000 000
I.2	Hệ thống quan trắc khí thải tự động, liên tục				
1	Kiểm định phương tiện đo pH	1	Thiết bị	3 000 000	3 000 000
2	Phương tiện đo Amoni	1	Thiết bị	5 000 000	5 000 000
3	Kiểm định phương tiện đo COD	1	Thiết bị	5 000 000	5 000 000
4	Kiểm định phương tiện đo TSS	1	Thiết bị	5 000 000	5 000 000
5	Hiệu chuẩn phương tiện đo lưu lượng nước đầu vào	1	Thiết bị	6 000 000	6 000 000
6	Hiệu chuẩn phương tiện đo lưu lượng nước đầu ra	1	Thiết bị	6 000 000	6 000 000
7	Hiệu chuẩn phương tiện đo nhiệt độ	1	Thiết bị	2 000 000	2 000 000
-	Cộng chưa thuế GTGT				216 000 000
-	Thuế GTGT (5%)				10 800 000
II	Chi phí đi lại, nhân công				
1	Chi phí đi lại, nhân công	1	Đợt	7 000 000	7 000 000
2	Chi phí nhân công	1	Đợt	6 000 000	6 000 000
-	Cộng chưa thuế GTGT				13 000 000
-	Thuế GTGT (8%)				1 040 000
-	Tổng cộng chưa bao gồm thuế GTGT (I+II)				229 000 000
-	Tổng cộng đã bao gồm thuế GTGT (I+II)				240 840 000

4-001
Y
N
TKV
CÔNG TH
TKV
LÀNG

Phụ lục II
KẾ HOẠCH LỰA CHỌN NHÀ CUNG CẤP
Gói cung cấp: Dịch vụ hiệu chuẩn, kiểm định thiết bị quan trắc khí thải, nước thải Nhà máy NĐND năm 2026
(Đính kèm theo Quyết định số 72 /QĐ-NĐND ngày 11 / 02/2026)

STT	Tên chủ đầu tư	Tên gói cung cấp	Tóm tắt công việc chính của gói CC	Giá gói CC trước thuế (đồng)	Giá gói CC sau thuế (đồng)	Nguồn vốn	Hình thức lựa chọn NCC	Thời gian tổ chức lựa chọn NCC	Thời gian bắt đầu lựa chọn NCC	Hình thức hợp đồng	Thời gian thực hiện hợp đồng	NCC được lựa chọn để ký hợp đồng trực tiếp	Ghi chú
1		Phần công việc đã thực hiện		0									
2		Phần công việc không áp dụng được một trong các hình thức lựa chọn nhà thầu		0									
3		Phần công việc thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu		229.000.000	240.840.000								
	Công ty Nhiệt điện Na Dương-TKV	Dịch vụ hiệu chuẩn, kiểm định thiết bị quan trắc khí thải, nước thải Nhà máy NĐND năm 2026.	Hiệu chuẩn, kiểm định thiết bị quan trắc khí thải, nước thải Nhà máy NĐND năm 2026	229.000.000	240.840.000	Chi phí sản xuất kinh doanh năm 2026	Ký hợp đồng trực tiếp theo quy định tại Khoản 2, Điều 8 của Quyết định số 353/QĐ-ĐLTKV ngày 15/02/2024	30 ngày	Tháng 02/2026	Đơn giá cố định	30 ngày	Trung tâm Nghiên cứu Công nghệ và Kiểm định Môi trường	
4		Phần công việc chưa đủ điều kiện lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu		0									
		Dự phòng		0									
		Tổng cộng			240.840.000								